

**QUYẾT ĐỊNH**  
**Về việc quy định thu phí thẩm định cấp quyền sử dụng đất**  
**trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NINH**

Căn cứ luật tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân ngày 03/12/2004;

Căn cứ Thông tư số 02/2014/TT-BTC ngày 02/01/2014 của Bộ Tài chính “Hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương”;

Căn cứ Nghị quyết số 173/2014/NQ-HĐND ngày 12/12/2014 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ninh khoá XII - Kỳ họp thứ 18 "Về việc quy định thu các khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh”;

Xét đề nghị của Sở Tài chính tại Tờ trình số 5015/TTr-STC ngày 31/12/2014,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Quy định mức thu bằng tiền phí thẩm định cấp quyền sử dụng đất trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh như phụ lục kèm theo.

**Điều 2.** Đối tượng nộp phí, đơn vị thu phí thẩm định cấp quyền sử dụng đất.

- Đối tượng nộp phí:

+ Các tổ chức, cá nhân đăng ký, nộp hồ sơ cấp quyền sử dụng đất có nhu cầu hoặc cần phải thẩm định theo quy định để cơ quan nhà nước có thẩm quyền tiến hành thẩm định để giao đất, cho thuê đất.

+ Các tổ chức, cá nhân đăng ký, nộp hồ sơ cấp quyền sử dụng đất có nhu cầu hoặc cần phải thẩm định theo quy định để cơ quan nhà nước có thẩm quyền tiến hành thẩm định để chuyển quyền sở hữu nhà gắn liền với quyền sử dụng đất.

- Đơn vị thu phí: Cơ quan Tài nguyên và Môi trường được giao nhiệm vụ thẩm định giao đất, cho thuê đất, chuyển quyền sở hữu nhà gắn liền với đất.

**Điều 3.** Quản lý, sử dụng nguồn thu phí thẩm định cấp quyền sử dụng đất.

Đơn vị thu phí được trích để lại 40% (trường hợp thu qua Trung tâm hành chính công, trích cho Trung tâm hành chính công 4%) trên tổng số phí thu được để phục vụ cho công tác thu phí; số còn lại 60% nộp vào ngân sách nhà nước theo quy định hiện hành.

Đơn vị thu phí có trách nhiệm niêm yết, thông báo công khai mức thu phí tại các điểm thu phí; Tổ chức thu, quản lý và sử dụng tiền thu phí theo quy định hiện hành.

**Điều 4.** Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2015 và thay thế quy định thu phí thẩm định cấp quyền sử dụng đất tại Quyết định số 3703/2007/QĐ-UBND ngày 08/10/2007, Quyết định số 3272/2009/QĐ-UBND ngày 23/10/2009 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh.

**Điều 5.** Các ông (bà): Chánh văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Tài chính, Cục trưởng Cục Thuế, Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh; Thủ trưởng các ban, ngành của tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./✓

**Nơi nhận:**

- Bộ Tài chính (báo cáo);
- Cục kiểm tra văn bản - Bộ Tư pháp;
- TT Tỉnh ủy, HĐND tỉnh (báo cáo);
- CT và các PCT.UBND tỉnh;
- Ban kinh tế ngân sách HĐND tỉnh;
- Như Điều 5 (thực hiện);
- V0, V1, TM2, TM4;
- Trung tâm thông tin;
- Lưu: VT, TM4.

34b-T078.4.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



**Nguyễn Văn Thành**

**PHỤ LỤC: MỨC THU PHÍ THẨM ĐỊNH CẤP QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT**  
 (Kèm theo Quyết định số: 3392/2014/QĐ-UBND ngày 31/12/2014



Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh)

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Mức thu phí
1	Phí thẩm định cấp quyền sử dụng đất (áp dụng đối với các trường hợp: giao đất, cho thuê đất; chuyển mục đích sử dụng đất; gia hạn sử dụng đất; điều chỉnh ranh giới sử dụng đất)		
a	Thuộc thẩm quyền cấp huyện, thị xã, thành phố		
a1	Giao đất, cho thuê đất		
+	Đối với đất ở		
-	Thuộc địa bàn phường, thị trấn	đồng/hồ sơ	100.000
-	Các địa bàn xã	đồng/hồ sơ	50.000
+	Đối với các loại đất còn lại	đồng/hồ sơ	600.000
a2	Chuyển mục đích sử dụng đất, gia hạn sử dụng đất, điều chỉnh ranh giới sử dụng đất		
b	Thuộc thẩm quyền cấp tỉnh		
b1	Giao đất, cho thuê đất		
-	Diện tích nhỏ hơn 01 ha	đồng/hồ sơ	600.000
-	Diện tích từ 01 ha đến 05 ha	đồng/hồ sơ	1.200.000
-	Diện tích trên 05 ha đến 10 ha	đồng/hồ sơ	1.800.000
-	Diện tích trên 10 ha đến 15 ha	đồng/hồ sơ	2.400.000
-	Diện tích trên 15 ha đến 20 ha	đồng/hồ sơ	3.000.000
-	Diện tích trên 20 ha đến 25 ha	đồng/hồ sơ	3.600.000
-	Diện tích trên 25 ha đến 30 ha	đồng/hồ sơ	4.200.000
-	Diện tích trên 30 ha đến 40 ha	đồng/hồ sơ	4.800.000

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Mức thu phí
-	Diện tích trên 40 ha đến 50 ha	đồng/hồ sơ	5.400.000
-	Diện tích trên 50 ha	đồng/hồ sơ	6.000.000
b2	Chuyển mục đích sử dụng đất, gia hạn sử dụng đất, điều chỉnh ranh giới sử dụng đất	đồng/hồ sơ	Mức thu bằng 50% mức thu quy định tại điểm b1 trên
2	Phí thẩm định cấp quyền sử dụng đất (áp dụng đối với trường hợp: chuyển quyền sở hữu nhà gắn liền với quyền sử dụng đất)		
a	Thuộc thẩm quyền cấp huyện, thị xã, thành phố		
-	Đối với hộ gia đình, cá nhân nhận chuyển nhượng quyền sở hữu nhà ở gắn liền với quyền sử dụng đất	đồng/hồ sơ	100.000
-	Đối với hộ gia đình, cá nhân nhận chuyển nhượng quyền sở hữu công trình không phải nhà ở gắn liền với quyền sử dụng đất	đồng/hồ sơ	300.000
b	Thuộc thẩm quyền cấp tỉnh		
-	Đối với tổ chức nhận chuyển nhượng quyền sở hữu công trình xây dựng gắn liền với quyền sử dụng đất	đồng/hồ sơ	2.000.000

